

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2024/DS-PT

Ngày: 16 - 7 - 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán,

Yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũng

Bà Võ Thị Mỹ Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Ngọc Quý - Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Đỗ Văn Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán và yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2024/DS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 131/2024/QĐPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH X.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lương Thị P - Chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ trụ sở: Số G, quốc lộ A, khu phố T, phường K, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Minh Hoan H;
Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 07/12/2022).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH MTV Q.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn H1 - Chức vụ: Giám đốc công ty; Địa chỉ trụ sở: Số N, khu phố H, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Ngọc T; Địa chỉ: Số B, đường P, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 10/01/2024).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn D, chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ trụ sở: Số B, đường P, khóm C, phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phước Đ - Chức vụ: Chi cục trưởng; Địa chỉ trụ sở: Số A, đường T, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Công ty TNHH X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo bản án về tranh chấp kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố V đã xét xử buộc Công ty TNHH MTV Q (*gọi tắt là Công ty Q*) có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH X (*viết tắt là Công ty X*) số tiền 533.051.000 đồng. Ngày 03/11/2023, Công ty X yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V thi hành bản án số 10/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020. Trong thời gian này, Công ty Q đã tẩu tán tài sản bằng cách chuyển nhượng 03 sômiromóc cho Công ty TNHH H (*gọi tắt là Công ty H*) nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành bản án số 10/2020/KDTM-ST

nói trên. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án vô hiệu hợp đồng mua bán tài sản đối với 03 somiromóc mang biển kiểm soát 64R-001.10; 64R-000.86 đăng ký ngày 03/12/2020; 64R-000.64 đăng ký ngày 05/12/2020 do Công ty Q chuyển dịch cho Công ty H thông qua hợp đồng mua bán; yêu cầu công nhận 03 somiromóc nêu trên thuộc quyền sở hữu của Công ty Q để Công ty X yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự buộc Công ty Q thực hiện nghĩa vụ theo bản án kinh doanh thương mại số 10/2020/KDTM, ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố V đã có hiệu lực thi hành.

Tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải bị đơn Công ty Q vắng mặt, không có yêu cầu phản tố; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty H vắng mặt, không có yêu cầu độc lập;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xin xét xử vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2024/DS-ST ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi vô hiệu hợp đồng mua bán 03 xe somiromóc mang biển kiểm soát 64R-001.10; 64R-000.86 và 64R-000.64 do Công ty TNHH MTV Q chuyển nhượng cho Công ty TNHH H để Công ty TNHH MTV Q thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH X.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, nguyên đơn Công ty X kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên bố vô hiệu giao dịch chuyển quyền theo hợp đồng mua bán tài sản ngày 01/12/2020 đối với 03 somiromóc mang biển kiểm soát 64R-001.10; 64R-000.86 đăng ký ngày 03/12/2020; 64R-000.64 đăng ký ngày 05/12/2020 giữa Công ty Q và Công ty H; Công nhận 03 chiếc xe nêu trên thuộc quyền sở hữu của Công ty Q để đảm bảo trả nợ cho công ty X theo bản án số 10/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 của Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện hợp pháp nguyên đơn có ông Trần Minh Hoan H rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo về việc công nhận 03 somiromóc mang biển kiểm soát 64R-001.10; 64R-000.86 đăng

ký ngày 03/12/2020; 64R-000.64 thuộc quyền sở hữu của Công ty Q để đảm bảo trả nợ cho công ty X theo bản án số 10/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 của Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Đại diện bị đơn có ông Trần Ngọc T đồng ý việc rút yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo trên của người đại diện hợp pháp nguyên đơn.

Người đại diện hợp pháp nguyên đơn có ông Trần Minh Hoan H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng mua bán tài sản ngày 01/12/2020 giữa Công ty Q và Công ty - đối với 03 somiromóc mang biển kiểm soát 64R-001.10; 64R-000.86 đăng ký ngày 03/12/2020; 64R-000.64 đăng ký ngày 05/12/2020. Đại diện bị đơn Công ty Q có ông Trần Ngọc T không đồng ý yêu cầu kháng cáo trên của nguyên đơn và ông T cho rằng Công ty Q có nhiều tài sản khác để đảm bảo thi hành án nhưng do phía nguyên đơn không yêu cầu. Số tiền 235.763.906 đồng Công ty Q chuyển nhượng 03 somiromóc cho Công ty H thì bị đơn dùng để trả lương cho công nhân và sử dụng mục đích khác của công ty. Trong trường hợp Tòa án có căn cứ xác định vô hiệu hợp đồng mua bán tài sản ngày 01/12/2020 giữa Công ty Q và Công ty H đối với 03 somiromóc thì bị đơn không yêu cầu xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 298, điểm b khoản 1 Điều 299, khoản 2,4,5 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo của Công ty X;

Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết một phần bản án đối yêu cầu của nguyên đơn về việc công nhận 03 somiromóc mang biển kiểm soát 64R-001.10; 64R-000.86 đăng ký ngày 03/12/2020; 64R-000.64 thuộc quyền sở hữu của Công ty Q để đảm bảo trả nợ cho Công ty X theo bản án số 10/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 của Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty X; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vô hiệu hợp đồng mua bán tài sản ngày 01/12/2020 đối với 03 somiromóc mang biển kiểm soát 64R-001.10; 64R-000.86; 64R-000.64 giữa Công ty Q và Công ty H. Các đương sự có quyền khởi kiện vụ án khác để yêu cầu xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu.

Về án phí dân sự: Buộc Công ty Q phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và Công ty X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty X rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo về việc công nhận 03 somiromóc mang biển kiểm soát 64R-001.10; 64R-000.86 đăng ký ngày 03/12/2020; 64R-000.64 thuộc quyền sở hữu của Công ty Q để đảm bảo trả nợ cho công ty X theo bản án số 10/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Đại diện bị đơn Công ty Q có ông Trần Ngọc T đồng ý việc rút yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng trên của người đại diện hợp pháp nguyên đơn. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 299, khoản 4 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với phần rút yêu cầu trên của nguyên đơn.

[2] Theo bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố V có hiệu lực pháp luật thì Công ty Q do ông Trần Văn H1 là người đại diện theo pháp luật có nghĩa vụ trả cho Công ty X số tiền vốn, lãi bằng 533.051.000 đồng.

Sau đó, Công ty X có đơn yêu cầu thi hành bản án số 10/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố V và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V ban hành Quyết định Thi hành án số 275/QĐ-CCTHADS ngày 11/11/2020. Tại thời điểm này người phải thi hành án Công ty Q đứng tên chủ sở hữu các tài sản gồm: 03 somiromóc mang biển kiểm soát 64R-001.10; 64R-000.86 và 64R-000.64. Tuy nhiên, ngày 01/12/2020 Công ty Q do ông Trần Văn H1 đại diện đã ký hợp đồng mua bán 03 somiromóc trên bằng số tiền 235.763.906 đồng cho Công ty H. Theo hợp đồng mua bán xe ngày 01/12/2020 thể hiện bên mua là Công ty H có ông Trần Văn D – chức vụ giám đốc đại diện. Tuy nhiên, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và xác nhận số 116/ĐKKD ngày 16/12/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh V thì thời điểm ký kết hợp đồng mua bán trên Công ty - do ông Trần Văn H1 đại diện theo pháp luật.

Mặt khác, Công ty Q thừa nhận số tiền 235.763.906 đồng đã chuyển nhượng 03 somiromóc thì Công ty Q không sử dụng để thi hành bản án số 10/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố V cho người được thi hành án là Công ty X theo Quyết định Thi hành án số 275/QĐ-CCTHADS ngày 11/11/2020. Công ty sử dụng số tiền trên để chi trả lương cho công nhân và các việc khác của công ty.

Tại biên bản về việc xác minh điều kiện thi hành án ngày 30/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V thể hiện Công ty Q không còn hoạt động kinh doanh và tại địa điểm đăng ký kinh doanh của công ty không còn tài sản gì để thi hành án. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp bị đơn Công ty Q cho rằng Công ty Q có nhiều tài sản khác để đảm bảo thi hành án nhưng phía bị đơn không cung cấp chứng cứ chứng minh các tài sản hiện có của Công ty Q.

Theo Thông báo số 99/TB-THADS ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V gửi cho người được thi hành án là Công ty X và người phải thi hành án là Công ty Q, hai bên có quyền thỏa thuận phân chia tài sản và quyền khởi kiện tại tòa án tranh chấp đối với tài sản là 03 xe somiromóc mang biển kiểm soát 64R-001.10; 64R-000.86 và 64R-000.64. Tại Công văn số 558/CCTHADS-CV ngày 17/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, căn cứ theo Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014, năm 2022 và Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ

sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự thì hợp đồng chuyển nhượng ngày 01/12/2020 giữa Công ty Q với Công ty H đối với các tài sản 03 somiromóc mang biển kiểm soát 64R-001.10; 64R-000.86 và 64R-000.64 là vi phạm các điều khoản theo quy định của pháp luật.

Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự khoản 11 Điều 1 Nghị định 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự thì hợp đồng mua bán lập ngày 01/12/2020 giữa Công ty Q với Công ty H đối với các tài sản 03 somiromóc mang biển kiểm soát 64R-001.10; 64R-000.86 và 64R-000.64 là giao dịch nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án và thuộc trường hợp giao dịch về tài sản mà người phải thi hành án không sử dụng toàn bộ khoản tiền thu được từ giao dịch đó để thi hành án và không còn tài sản khác để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án.

[3] Căn cứ Điều 131 Bộ Luật Dân sự 2015 thì hợp đồng mua bán lập ngày 01/12/2020 giữa Công ty Q với Công ty H đối với các tài sản 03 somiromóc mang biển kiểm soát 64R-001.10; 64R-000.86 và 64R-000.64 là giao dịch dân sự nhằm tẩu tán tài sản nên bị vô hiệu. Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập. Các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận và bên có lỗi gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Tuy nhiên, trong vụ án này bị đơn Công ty Q không có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty H không có yêu cầu độc lập và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp bị đơn không yêu bồi thường thiệt hại, không yêu cầu xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu trong trường hợp tòa án tuyên bố vô hiệu hợp đồng mua bán lập ngày 01/12/2020. Do đó, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Vô hiệu hợp đồng mua bán tài sản ngày 01/12/2020 giữa Công ty Q với Công ty H đối với các tài sản 03 somiromóc mang biển kiểm soát 64R-001.10; 64R-000.86 và 64R-000.64.

Các đương sự có quyền khởi kiện vụ án khác yêu cầu xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu theo quy định pháp luật.

[4] Án phí dân sự: Bị đơn Công ty Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng và nguyên đơn Công ty X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty X số tiền 600.000 đồng, tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo các biên lai thu số 0001834 ngày 03/02/2023 và số 0006596 ngày 05/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 299, khoản 2, 4 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hủy một phần bản án sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long và đình chỉ giải quyết một phần bản án yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc công nhận 03 somiromóc mang biển kiểm soát 64R-001.10; 64R-000.86 đăng ký ngày 03/12/2020; 64R-000.64 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Q để đảm bảo trả nợ cho Công ty TNHH X theo bản án số 10/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH X. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2024/DS-ST ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 122, Điều 131, Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 74 Luật Doanh nghiệp; Điều 75 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014, năm 2022; khoản 11 Điều 1 Nghị định 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH X. Vô hiệu hợp đồng mua bán lập ngày 01/12/2020 giữa Công ty TNHH MTV Q với Công ty TNHH H đối với 03 sơmimóc mang biển kiểm soát số 64R-001.10; số 64R-000.86 và số 64R-000.64.

2. Các đương sự có quyền khởi kiện vụ án khác yêu cầu xử lý hậu quả hợp đồng vô hiệu theo quy định pháp luật.

3. Án phí dân sự: Bị đơn Công ty TNHH MTV Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và nguyên đơn Công ty TNHH X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty TNHH X số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng), tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo các biên lai thu số 0001834 ngày 03/02/2023 và số 0006596 ngày 05/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP.HCM 01;
- Chánh án thay b/c 01;
- VKSND TVL 02;
- TAND TP.V 01;
- CC THADS TP.V 01;
- Đương sự 04;
- Phòng HCTP 01;
- Phòng KTNV&THA 01;
- Lưu hồ sơ vụ án 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Sơn Nữ Phà Ca